

Kon Tum, ngày 04 tháng 11 năm 2020

Số: 01/TB-THGVMN

## THÔNG BÁO

**Danh sách giáo viên được phê duyệt dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và quy định về hồ sơ xét thăng hạng đối với giáo viên mầm non tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ Đề án số 94/ĐA-SGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020 đối với giáo viên tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-SGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020 đối với giáo viên tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-SGDĐT ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020 đối với giáo viên mầm non đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo,

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non thông báo danh sách giáo viên được phê duyệt dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020 và quy định về thành phần hồ sơ xét thăng hạng đối với giáo viên mầm non tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

### **1. Danh sách giáo viên mầm non được phê duyệt dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020**

1.1. Từ hạng IV lên hạng III: Gồm 09 người.

*(Danh sách cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm).*

1.2. Từ hạng III lên hạng II: Gồm 05 người.

*(Danh sách cụ thể tại Phụ lục 2 đính kèm).*

### **2. Quy định về thành phần hồ sơ xét thăng hạng đối với giáo viên mầm non năm 2020**

#### **2.1. Thành phần hồ sơ**

a) Văn bản cử tham dự kỳ xét thăng hạng của đơn vị quản lý giáo viên (theo Phụ lục 3);

b) Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 1);



c) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức (theo Mẫu số 2) được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức<sup>1</sup>;

d) Đánh giá, phân loại viên chức năm học 2017-2018, năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020;

e) Bản nhận xét, đánh giá của cấp có thẩm quyền về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo quy định;

f) Bản sao quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, quyết định nâng lương gần nhất;

g) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

đ) Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng (theo Phụ lục 4).

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được xếp theo đúng thứ tự kể trên và bỏ vào bì đựng có kích thước 250x340x5mm. Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức dự xét thăng hạng có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

## 2.2. Thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ

- Tiếp nhận hồ sơ trước ngày 13/11/2020 (trong giờ hành chính, trừ các ngày nghỉ lễ, thứ 7 và chủ nhật);

- Địa điểm: Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng làm việc số 15 tại Cơ quan sở, điện thoại: 0260.3864.227) hoặc gửi qua Bưu điện theo địa chỉ: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, 22 Nguyễn Thái Học, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (ngày nộp hồ sơ dự tuyển được tính theo thời gian Bưu điện giao hồ sơ tại Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo).

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non thông báo để các đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc Sở (t/h);
- GD, các PGD Sở (c/đ);
- Các phòng CM, NV thuộc Sở (t/h);
- Website Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT**  
**Đinh Thị Lan**

<sup>1</sup>Thủ trưởng đơn vị xác nhận bản sơ yếu lý lịch của giáo viên; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận bản sơ yếu lý lịch của người đứng đầu hoặc cấp phó người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.





**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
**TỪ GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG IV LÊN GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số hạng CDNN hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học		Ngoại ngữ			
1	Trần Thị Thảo Sương	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
2	Lò Thị Minh Hạnh						14 năm	3,06	V.07.02.06	Dại học			A	B						
3	Doãn Thị Chính						2,5 năm	2,86	V.07.02.06	Dại học			A	B						
4	Phạm Thị Hiền						2,5 năm	2,26	V.07.02.06	Dại học			B	B						
5	Hồ Thị Quỳnh						2,5 năm	2,46	V.07.02.06	Dại học			A	B						
6	Nguyễn Phạm Thiên Thanh						2,5 năm	2,46	V.07.02.06	Dại học			B	B						
7	Nguyễn Thị Thu Trinh						2,5 năm	1,86	V.07.02.06	Dại học			A	B						
8	Nguyễn Thị Nguyệt						15 năm	3,26	V.07.02.06	Dại học		X	A	B						
9	Vũ Thị Sáu Nguyệt						6,5 năm	2,26	V.07.02.06	Dại học			A	B						

Tổng cộng danh sách có 09 người./.

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
TỪ GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III LÊN GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG II NĂM 2020**



TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số hạng CDNN hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Hệ số CDNN		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học		Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
1	Nguyễn Thị Thanh			Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non THSP Kon Tum	12 năm	3,34	V.07.02.05	Đại học	Trung cấp		A	B							
2	Đặng Như Quỳnh			Giáo viên	Trường Mầm non THSP Kon Tum	11 năm	2,72	V.07.02.05	Đại học			A	B							
3	Nguyễn Thị Loan			Giáo viên	Trường Mầm non THSP Kon Tum	10 năm	2,72	V.07.02.05	Đại học			A	B							
4	Ngô Thị Uyên Uyên			Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non THSP Kon Tum	15 năm	3,34	V.07.02.05	Đại học			A	B							
5	Bùi Thị Tuyết			Giáo viên	Trường Mầm non THSP Kon Tum	12 năm	2,72	V.07.02.05	Đại học			A	B							

Tổng cộng danh sách có 05 người./.



SỞ GD&ĐT TỈNH KON TUM  
TRƯỜNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -

Kon Tum, ngày tháng năm

V/v cử giáo viên dự xét thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp giáo viên  
mầm non năm 2020

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Đề án số 94/ĐA-SGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2020; Kế hoạch số 95/KH-SGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020 đối với giáo viên tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông báo số /TB-SGDĐT ngày ... tháng... năm 2020 của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non thông báo danh sách giáo viên được phê duyệt dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và quy định về hồ sơ xét thăng hạng đối với giáo viên mầm non tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo,

Trường ... báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên mầm non hiện có; đề nghị chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và cử giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020, như sau:

**1. Báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp hiện có và đề nghị chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020**

*Cụ thể tại Mẫu số 03 đính kèm.*

**2. Danh sách giáo viên mầm non đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử tham gia dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020**

- Giáo viên mầm non hạng IV lên giáo viên mầm non hạng III: ... người;

- Giáo viên mầm non hạng III lên giáo viên mầm non hạng II: ... người.

*Cụ thể tại Mẫu số 04 đính kèm.*

Trường ... kính báo Sở Giáo dục và Đào tạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (báo cáo);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ THAM GIA DỰ XÉT  
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét	Có đề án, công trình	Được miễn xét		Ghi chú				
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ			Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị		Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>I Giáo viên mầm non hạng IV lên giáo viên mầm non hạng III</b>																	
1																	
2																	
3																	
<b>II Giáo viên mầm non hạng III lên giáo viên mầm non hạng II</b>																	
1																	
2																	
3																	

Tổng cộng danh sách có ... người./.

**HIỆU TRƯỞNG**



ĐƠN VỊ

Mẫu số 03

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG,  
CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON NĂM 2020**

TT	Trưởng ...	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú	
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V		
I	Giáo viên mầm non	0												

**HIỆU TRƯỞNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI  
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

*Từ giáo viên ..... hạng ..... lên giáo viên ..... hạng .....*

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trường ....

Tên tôi là (chữ in hoa): .....; giới tính: Nam (nữ);

Sinh ngày: .../.../..., tại: xã ....., huyện ....., tỉnh .....

Nơi ở hiện nay: xã ....., huyện ....., tỉnh .....

Đơn vị công tác:.....

Chức vụ/chức danh: .....

Trình độ chuyên môn cao nhất: .....

Ngày tuyển dụng (hết thời gian tập sự): .....

Chức danh nghề nghiệp hiện giữ: .....mã số.....

Ngày bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hiện giữ: .....

Lương hiện hưởng: Bạc....., hệ số....., ngày hưởng:.../.../.....

Sau khi nghiên cứu Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020 đối với giáo viên tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, tôi tự đánh giá đủ điều kiện tham gia thi thăng hạng từ giáo viên ..... hạng.... lên giáo viên ..... hạng.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị các cấp thẩm quyền xem xét cho tôi được tham gia dự xét kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020.

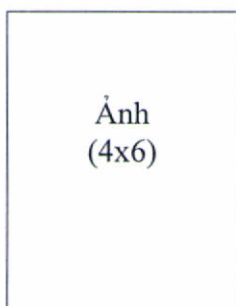
Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Kon Tum, ngày ..... tháng ..... năm 2020

**Người làm đơn**



### SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC



- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): .....
- 2) Tên gọi khác: .....
- 3) Sinh ngày: .....tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):..
4. Nơi sinh: xã ....., huyện ....., tỉnh .....
- 5) Quê quán: xã ....., huyện ....., tỉnh .....
- 6) Dân tộc: ....., 7) Tôn giáo: .....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....  
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay: .....,  
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: .....
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng: .....
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: .....,  
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao: .....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức: .....Mã số: .....  
Bậc lương:....., Hệ số:....., Ngày hưởng: ...../...../.....
- Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào): .....
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: .....,  
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị: .....15.4- Quản lý nhà nước: .....  
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự, ...)
- 15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp .....
- 15.6- Ngoại ngữ: .....15.7- Tin học: .....  
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: .../.../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội: .....,  
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ: .../.../....., Ngày xuất ngũ: .../.../....., Quân hàm cao nhất: ....
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất: .....,  
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú)
- 20) Sở trường công tác: .....





**29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC**

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

**30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Người khai**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên  
đây là đúng sự thật  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày....tháng.....năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức**  
(Ký tên, đóng dấu)

## PHỤ LỤC 4

### HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON NĂM 2020

#### I. Minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III lên giáo viên mầm non hạng II

##### 1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

*Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng II.*

a) Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên (2 điểm);

b) Tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cấp trường trở lên (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm).

##### 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm):

*Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.*

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT (5 điểm);

*Cộng thêm 1 điểm đối với người có trình độ đào tạo hoặc trình độ ngoại ngữ hoặc trình độ tin học cao hơn so với quy định.*

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (5 điểm).

##### 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

*Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.*

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)



- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

- Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non (30 điểm);

- Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

*Cộng thêm tối đa 4 điểm (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ), mỗi nội dung sau được cộng thêm 1 điểm:*

- Có thành tích được tặng bằng khen từ cấp Tỉnh, Bộ trở lên;

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng;

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

## **II. Minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV lên giáo viên mầm non hạng III**

### **1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)**

*Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.*

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (2 điểm);

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

### **2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)**



*Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.*

- a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);
  - b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);
  - c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT (5 điểm);
- Cộng thêm 1 điểm đối với người có trình độ đào tạo hoặc trình độ ngoại ngữ hoặc trình độ tin học cao hơn so với quy định.*
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

### **3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)**

*Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.*

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

*Cộng thêm tối đa 4 điểm (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ), mỗi nội dung sau được cộng thêm 1 điểm:*

- Có thành tích được tặng bằng khen từ cấp Tỉnh, Bộ trở lên;

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng;

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV và các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).